CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Đà Nẵng

Số 07 + 08 **Ngày 30 tháng 6 năm 2009**

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

30/05/2009	Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	3
03/06/2009	Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý và khai thác nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố Đà	10
24/06/2009	Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	16
13/06/2009	Chỉ thị số 08/2009/CT-UBND tăng cường công tác xây dựng và củng cố công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	22

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

22/06/2009	Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách quận sang Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn quận Sơn Trà	25

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26/05/2009	Quyết định số 3882/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Xây dựng 7000 căn hộ phục vụ chương trình có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	32
10/06/2009	Quyết định số 4305/QĐ-UBND phê duyệt Đề án Xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuê	41
18/05/2009	Chỉ thị số 05/CT-UBND về việc tiếp tục thực hiện Đề án thứ 3-212/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ	48
18/05/2009	Chỉ thị số 06/CT-UBND về việc tiếp tục tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	52
22/05/2009	Chỉ thị số 07/CT-UBND về Công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2009	54

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:14/2009/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý và sử dụng Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa";

Căn cứ Nghị quyết số 51/2007/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2007 của HĐND thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2007;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2.

1. Mức chi trợ cấp nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng, Chủ tịch UBND các quận, huyện, xã, phường, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vị điều chỉnh

Văn bản này quy định về điều kiện, mức trợ cấp, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xét duyệt trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trợ cấp thường xuyên đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại Quy định này bao gồm:

a) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ thương tật từ 21% đến 76%;

b) Bệnh binh có tỷ lệ bệnh tật từ 41% đến 80%;

c) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

d) Người trực tiếp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

e) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày tra tấn hưởng trợ cấp 01 lần;

g) Người dân có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hưởng trợ cấp hàng tháng.

2. Trợ cấp khó khăn đột xuất đối với Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại Quy định này bao gồm:

a) Cán bộ Lão thành cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

b) Cán bộ "Tiền khởi nghĩa" đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

c) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

d) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh có tỷ lệ thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện được hưởng trợ cấp

1. Trợ cấp hàng tháng: Người có công với cách mạng được quy định tại khoản 1, Điều 2 của Quy định này phải hội đủ các điều kiện sau đây:

a) Mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư, tai biến mạch máu não để lại di chứng bại liệt nằm tại chỗ, mù loà...) hoặc tuổi cao (60 tuổi đối với Nam và 55 tuổi đối với Nữ) lú lẫn, không tự chủ trong sinh hoạt, thường xuyên phải nhờ người khác chăm sóc;

b) Thu nhập từ lương và các khoản trợ cấp hàng tháng (lương hưu, trợ cấp mất sức lao động và trợ cấp theo Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng) thấp hơn 1.600.000 đồng/tháng;

c) Chi phí tiền thuốc men, điều trị và chăm sóc chiếm phần lớn thu nhập từ lương và trợ cấp.

2. Trợ cấp khó khăn đột xuất: Người có công với cách mạng được quy định tại khoản 2, Điều 2 của Quy định này phải hội đủ các điều kiện sau đây:

a) Mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư, tai biến mạch máu não để lại di chứng bại liệt nằm tại chỗ, mù loà...) hoặc tuổi cao (60 tuổi đối với Nam và 55 tuổi đối với Nữ) lú lẫn, không tự chủ trong sinh hoạt, thường xuyên phải nhờ người khác chăm sóc;

b) Chi phí tiền thuốc men, điều trị và chăm sóc chiếm phần lớn thu nhập từ lương và trợ cấp.

Điều 4. Mức trợ cấp

1. Người có công với cách mạng được quy định tại khoản 1, Điều 2 đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này được giải quyết trợ cấp hàng tháng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

2. Người có công với cách mạng được quy định tại khoản 2, Điều 2 đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 được xem xét trợ cấp khó khăn đột xuất, mỗi năm không quá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Đối với các trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 5. Hồ sơ trợ cấp

1. Hồ sơ trợ cấp thường xuyên gồm:

- Bản khai của gia đình Người có công với cách mạng;

- Biên bản kiểm tra của cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội xã, phường và cán bộ y tế thuộc Trạm y tế xã, phường;

- Các giấy tờ có liên quan đến bệnh tật trong quá trình điều trị tại các Trung tâm y tế, bệnh viện (nếu có);

- Biên bản của Hội đồng xét duyệt chính sách (Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị định 54/CP) xã, phường.

2. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu Bản khai, Biên bản kiểm tra áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.

3. Hồ sơ trợ cấp khó khăn đột xuất gồm:

Đơn đề nghị trợ cấp khó khăn đột xuất của Người có công với cách mạng có xác nhận của UBND phường, xã.

Điều 6. Thủ tục, thẩm quyền xét duyệt và thời gian giải quyết

1. Thủ tục và thẩm quyền xét duyệt:

a) Trợ cấp thường xuyên: Cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội xã, phường tiếp nhận bản khai, phối hợp với cán bộ y tế của Trạm y tế xã, phường trực tiếp kiểm tra tình trạng bệnh tật, báo cáo Hội đồng xét duyệt chính sách xã, phường họp xem xét từng trường hợp, lập Biên bản đề nghị giải quyết trợ cấp gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (kèm theo hồ sơ).

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra hồ sơ, tham mưu cho Uỷ ban nhân dân quận, huyện gửi văn bản đề nghị về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (kèm theo danh sách từng trường hợp và hồ sơ).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra trình Uỷ ban nhân dân thành phố ra Quyết định trợ cấp cho từng trường hợp.

b) Trợ cấp khó khăn đột xuất: Cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội xã, phường tiếp nhận đơn, kiểm tra trình Uỷ ban nhân dân xã, phường xác nhận và gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã, phường). Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra và chuyển đơn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả quận, huyện). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận đơn, trình Uỷ ban nhân dân thành phố ra Quyết định trợ cấp.

2. Thời gian giải quyết:

a) Trợ cấp thường xuyên: Thời gian giải quyết: 20 (hai mươi) ngày (xã, phường 05 ngày; quận, huyện: 05 ngày; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 ngày và UBND thành phố 05 ngày).

b) Trợ cấp khó khăn đột xuất: Thời gian giải quyết: 13 (mười ba) ngày: UBND xã, phường 03 ngày; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện: 03 ngày, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND thành phố: 07 ngày.

Điều 7. Thủ tục, thẩm quyền quyết định thôi hưởng trợ cấp và di chuyển chế độ trợ cấp

1. Thẩm quyền quyết định việc thôi hưởng trợ cấp và chuyển chế độ trợ cấp:

UBND thành phố uỷ quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định việc thôi hưởng trợ cấp hoặc chuyển chế độ trợ cấp trong những trường hợp sau:

a) Người có công cách mạng đang được hưởng trợ cấp từ trần;

b) Người có công cách mạng đang được hưởng trợ cấp chuyển đến địa phương khác ngoài thành phố;

c) Người có công cách mạng đang được hưởng trợ cấp từ quận, huyện này chuyển đến quận, huyện khác trên địa bàn thành phố.

2. Thủ tục quyết định thôi hưởng trợ cấp và chuyển chế độ trợ cấp:

a) Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp từ trần hoặc chuyển đến địa phương khác ngoài thành phố: Uỷ ban nhân dân xã, phường lập phiếu báo giảm kể từ tháng tiếp theo tháng từ trần hoặc chuyển đến địa phương khác gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để chuyển về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thôi hưởng trợ cấp;

b) Người có công với cách mạng chuyển trợ cấp đến địa phương khác trong thành phố: Uỷ ban nhân dân xã, phường lập phiếu báo giảm gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy giới thiệu chuyển chế độ trợ cấp, đồng thời kèm theo phiếu báo giảm gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập thủ tục chuyển chế độ trợ cấp đến địa phương mới.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí trợ cấp hàng tháng cho Người có công với cách mạng quy định tại khoản 1, Điều 4 của Quy định này sử dụng nguồn kinh phí do ngân sách thành phố cấp. Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính dự toán kinh phí trình Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét, bố trí để thực hiện.

2. Kinh phí trợ cấp khó khăn đột xuất cho Người có công với cách mạng quy định tại khoản 2, Điều 4 của Quy định này được sử dụng nguồn Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" của thành phố. Uỷ ban nhân dân thành phố sẽ bổ sung từ nguồn ngân sách nếu khoản chi trợ cấp khó khăn đột xuất từ nguồn "Quỹ Đền ơn đáp nghĩa" không cân đối được.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Uỷ ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, khảo sát Người có công với cách mạng bị bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn, hướng dẫn và lập hồ sơ đề nghị giải quyết trợ cấp;

b) Tổ chức huy động các nguồn lực giúp đỡ Người có công với cách mạng mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn, góp phần ổn định và nâng cao đời sống gia đình chính sách.

2. Uỷ ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo các phòng, ban có liên quan tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và tham mưu Uỷ ban nhân dân đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết trợ cấp kịp thời, đúng quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ trợ cấp, tổ chức quản lý hồ sơ, theo dõi số liệu tăng, giảm, chuyển đi nơi khác và quyết toán kinh phí. Định kỳ và đột xuất, có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố về thực hiện chính sách trợ cấp thường xuyên đối với Người có công với cách mạng bị bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có phát sinh mới thì Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân phản ảnh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo đề xuất Uỷ ban nhân dân thành phố kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:15/2009/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 03 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý và khai thác nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 14/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và khai thác nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các quận, huyện tổ chức triển khai hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quy định nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã, các cơ quan, đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý và khai thác nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về quản lý và khai thác nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bao gồm: bãi đỗ xe và các điểm đỗ xe dưới lòng đường, trên vỉa hè.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý và khai thác các nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố do ngành giao thông vận tải thống nhất quản lý, bao gồm:

a) Bãi đỗ xe theo quy hoạch được duyệt;

b) Bãi đỗ xe phát sinh theo nhu cầu thực tế;

c) Điểm đỗ xe tạm thời, cố định dưới lòng đường, trên vỉa hè.

2. Các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng áp dụng Quy định này, gồm:

a) Nơi đỗ xe thuộc các ngành công an, quốc phòng sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng;

b) Nơi đỗ xe chỉ phục vụ nội bộ trong khuôn viên các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp;

c) Các hoạt động dừng xe, đỗ xe theo đúng quy định hiện hành của pháp luật trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dừng xe* là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông (xe không được tắt máy và người lái xe không được rời tay lái) trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện đó xếp dỡ hàng hoá hoặc thực hiện công việc khác.

2. *Đỗ xe* là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian.

3. *Bãi đỗ xe* là địa điểm làm dịch vụ hỗ trợ, cung ứng chỗ đỗ xe và trông giữ phương tiện giao thông, gồm các loại như nhà đỗ xe cao tầng, bãi đỗ xe trên mặt đất, bãi đỗ xe ngầm dưới mặt đất.

4. Điểm đỗ xe cố định là địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép trông giữ phương tiện giao thông trên vỉa hè hoặc dưới lòng đường.

5. Điểm đỗ xe tạm thời là địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép trông giữ phương tiện giao thông trong một thời gian cụ thể để phục vụ hội nghị, thể thao và các hoạt động khác.

Điều 4. Sở Giao thông vận tải là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước đối với các hoạt động quản lý và khai thác nơi đỗ xe trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Các quy định đối với bãi đỗ xe

1. Vị trí bãi đỗ xe phù hợp với quy hoạch được UBND thành phố phê duyệt hoặc được Sở Giao thông vận tải Đà Nẵng và các ngành chức năng thống nhất về vị trí;

2. Diện tích bãi đỗ xe phải đảm bảo diện tích để đỗ xe từ 300m^2 trở lên và có lối vào, lối ra riêng biệt. Trong trường hợp đặc biệt, cho phép bố trí một lối ra, vào đi chung có bề rộng tối thiểu là 7,0m;

3. Bãi đỗ xe phải đảm bảo các yêu cầu: về an toàn kết cấu xây dựng; trật tự, an toàn giao thông; phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

Điều 6. Quy định đối với điểm đỗ xe trên vỉa hè và dưới lòng đường

1. Vị trí:

a) Các điểm đỗ xe dưới lòng đường phải đảm bảo tiêu chuẩn về bề rộng lòng đường như sau:

- Đối với đường hai chiều: có bề rộng lòng đường tối thiểu 10,5m thì cho phép đỗ xe một bên; có bề rộng lòng đường tối thiểu 14,0m thì cho phép đỗ xe hai bên;

- Đối với đường một chiều: có bề rộng lòng đường tối thiểu 7,5m thì cho phép đỗ xe bên phải phần xe chạy;

b) Các điểm đỗ xe trên vỉa hè không được cản trở giao thông của người đi bộ, phải bảo đảm bề rộng tối thiểu còn lại dành cho người đi bộ là 1,5m.

c) Không đỗ xe trước khu vực mặt tiền của các công trình văn hoá, giáo dục, thể thao, y tế, tôn giáo, công sở.

2. Các yêu cầu khác:

a) Phải bảo đảm mỹ quan đô thị; không gây cản trở cho người và phương tiện tham gia giao thông; vệ sinh môi trường, không gây ảnh hưởng đến sinh hoạt và các hoạt động bình thường của tổ chức, hộ gia đình hai bên đường phố.

b) Các trường hợp khác do Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

Điều 7. Khai thác các bãi đỗ xe

Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức khai thác bãi đỗ xe phải lập phương án tổ chức khai thác trình Sở Giao thông vận tải Đà Nẵng phê duyệt.

Điều 8. Khai thác các điểm đỗ xe dưới lòng đường và trên vỉa hè

1. Đơn vị được giao nhiệm vụ khai thác điểm đỗ xe lập phương án khai thác gửi Sở Giao thông vận tải phê duyệt (đối với các điểm đỗ xe dưới lòng đường và đỗ xe ô tô trên vỉa hè) hoặc gửi UBND các quận, huyện phê duyệt (đối với các điểm đỗ xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp trên vỉa hè).

2. Sau khi được phê duyệt, đơn vị được giao nhiệm vụ khai thác điểm đỗ có trách nhiệm:

a) Triển khai phương án khai thác theo đúng nội dung đã được duyệt;

b) Tổ chức thực hiện thu phí trông giữ xe theo đúng quy định hiện hành.

3. Khi sử dụng vỉa hè, lòng đường làm nơi đỗ xe có thu phí thì ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường đó trong việc thuê chỗ đỗ xe ở vị trí liền kề với nhà, công trình cho nhu cầu của tổ chức, cá nhân đó.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan và UBND các quận, huyện kiểm tra và đề xuất UBND thành phố công bố danh mục các tuyến đường và vỉa hè được phép khai thác làm điểm đỗ xe.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan xem xét, đề xuất UBND thành phố giải quyết cụ thể đối với trường hợp bãi đỗ xe không có trong danh mục quy hoạch được duyệt.

3. Quyết định cho phép các tổ chức, cá nhân quản lý và khai thác các điểm đỗ xe trên vỉa hè (đối với xe ô tô) và dưới lòng đường.

4. Thẩm định và phê duyệt phương án khai thác các nơi đỗ xe.

5. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm hành chính trong việc quản lý và khai thác các nơi đỗ xe.

Điều 10. Sở Tài chính có trách nhiệm

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND thành phố ban hành quy định về việc thu, quản lý sử dụng phí và giá dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông trên địa bàn thành phố theo quy định hiện hành.

Điều 11. Sở Xây dựng có trách nhiệm

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xem xét, đề xuất UBND thành phố giải quyết cụ thể đối với trường hợp bãi đỗ xe không có trong danh mục quy hoạch được duyệt.

Điều 12. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

Thẩm định phương án đảm bảo vệ sinh môi trường tại các bãi đỗ xe.

Điều 13. Công an thành phố có trách nhiệm

1. Thẩm định phương án phòng cháy, chữa cháy tại các bãi đỗ xe.

2. Tổ chức kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm hành chính trong việc quản lý và khai thác nơi đỗ xe.

Điều 14. Cục thuế thành phố Đà Nẵng

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc đăng ký, kê khai, nộp các khoản thuế và phí theo quy định hiện hành.

Điều 15. UBND các quận, huyện có trách nhiệm

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải kiểm tra và đề xuất UBND thành phố công bố danh mục các tuyến đường và vỉa hè được phép khai thác làm điểm đỗ xe.

2. Quyết định cho phép các tổ chức, cá nhân quản lý và khai thác các điểm đỗ xe trên vỉa hè (đối với xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp).

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức triển khai thực hiện quy định này; đồng thời tăng cường hoạt động kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm hành chính trong việc quản lý và khai thác các điểm đỗ xe.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy định này sẽ được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 17. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

Điều 18. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân phản ảnh về Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, tổng hợp, trình UBND thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:16/2009/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 24 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất nhập, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 957/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy định nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích và ưu đãi đầu tư, phát triển dự án tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài thực hiện đầu tư các dự án phát triển tàu du lịch trên sông Hàn, và các tuyến sông trên địa bàn thành phố trước ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Chương II
CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

Điều 3. Phí sử dụng cầu cảng, bến cảng (phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt đất, mặt nước); hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm.

1. Nhà đầu tư được miễn phí sử dụng cầu cảng, bến cảng dọc sông Hàn trong thời hạn năm (05) năm đầu hoạt động và giảm 50% phí cho hai (02) năm tiếp theo.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và lao động trên tàu trong thời hạn hai (02) năm đầu hoạt động. Số lượng lao động được hỗ trợ mua bảo hiểm không quá 05 người/tàu.

Điều 4. Hạ tầng kỹ thuật và trang bị cứu hộ

1. Căn cứ theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển du lịch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu phát triển cụ thể từng thời kỳ; thành phố sẽ đầu tư toàn bộ các bến đậu, điểm dừng tham quan trên toàn tuyến thuộc địa bàn thành phố.

2. Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu và được phép xây dựng khu cầu tàu riêng hoặc bỏ vốn đầu tư và khai thác bến đậu tàu thuyền theo quy hoạch phê duyệt; ngân sách thành phố sẽ đảm bảo toàn bộ chi phí giải tỏa đền bù để thực hiện các công trình xây dựng.

3. Hỗ trợ 100% số lượng phao cứu sinh để trang bị cho các tàu du lịch (theo số lượng hành khách mà cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép quy định đối với các phương tiện hoạt động đường sông).

Điều 5. Quảng bá thương hiệu

Nhà đầu tư được hỗ trợ tuyên truyền quảng bá thương hiệu trong các chương trình xúc tiến thương mại và du lịch của thành phố nhằm kết nối các tour, tuyến du lịch khác với hoạt động du lịch trên sông Hàn và xây dựng các mối liên kết, hợp tác với các tổ chức, đơn vị kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.

Điều 6. Tín dụng đầu tư

Nhà đầu tư được vay vốn từ nguồn vốn ưu đãi của Quỹ đầu tư phát triển thành phố, Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng trong việc đầu tư nâng cấp và đóng mới các tàu thuyền phục vụ du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố.

Điều 7. Đào tạo lao động

Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo lao động, mức hỗ trợ đào tạo quy định như sau:

a) Đối với thuyền trưởng, máy trưởng, mức hỗ trợ không quá 2.500.000 đồng/người, không quá 01 người/ tàu;

b) Đối với các đối tượng khác, mức hỗ trợ không quá 1.500.000 đồng/người, không quá 04 người/ tàu.

Điều 8. Nhà đầu tư thuộc diện được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo Quy định này chịu trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Hủy bỏ Giấy chứng nhận đầu tư

Sau 12 tháng, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nếu nhà đầu tư chưa triển khai dự án mà không có lý do chính đáng thì bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư.

Chương III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì và phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các ngành liên quan tìm kiếm đối tác đầu tư để đầu tư tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông.

2. Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, đề xuất cân đối vốn đầu tư xây

dựng cơ bản cho các công trình hạ tầng kỹ thuật có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. Quản lý nhà nước đối với các hoạt động du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trên địa bàn thành phố.

2. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành liên quan:

a) Xây dựng đề án, phương án, kế hoạch tuyên truyền, quảng bá nhằm tìm kiếm đối tác đầu tư phát triển tàu du lịch và các hoạt động dịch vụ, du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

b) Tổ chức hỗ trợ đào tạo lao động và các hoạt động cứu hộ dọc theo tuyến du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và các ngành có liên quan quy hoạch, xây dựng bến neo, đậu tàu thuyền du lịch và khu vực điểm đi - đến, điểm tạm dừng tham quan.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì và phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các ngư dân có nhu cầu chuyển đổi các loại tàu đánh cá gần bờ (loại tàu có công suất 30CV trở xuống) sang tham gia hoạt động dịch vụ du lịch đường sông.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

Kiểm tra và cấp phép cho các phương tiện hoạt động đường sông vừa đảm bảo mỹ quan vừa đảm bảo an toàn cho du khách; đặt thêm các bảng báo hiệu luồng lạch và giao thông tuyến đường sông nhằm đảm bảo an toàn vận tải khách du lịch bằng đường thủy; đồng thời phối hợp với các ngành liên quan tổ chức đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên cho tàu hoạt động du lịch.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí dự toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ ngân sách của thành phố cho phát triển tàu du lịch trên sông Hàn và các tuyến sông theo Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, hướng dẫn thủ tục vay vốn, thanh quyết toán các khoản hỗ trợ của thành phố cho các nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành và Quy định này.

Điều 16. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức triển khai, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để du lịch đường sông, đường biển hoạt động có hiệu quả.

Điều 17. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ảnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để

tổng hợp, nghiên cứu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:08/2009/CT-UBND	*Đà Nẵng, ngày 13 tháng 6 năm 2009*

CHỈ THỊ
Về tăng cường công tác xây dựng và củng cố công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong những năm qua, kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đã có bước phát triển nhanh, các thành phần kinh tế phát triển đã tạo việc làm cho hàng vạn lao động. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư và lao động có chuyển biến tích cực; tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp đã đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, góp phần giúp doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, từng bước xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện nay, việc thành lập tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt tỷ lệ còn thấp; người sử dụng lao động chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật lao động, né tránh, trì hoãn việc thành lập tổ chức công đoàn hoặc chưa tạo điều kiện cho công đoàn hoạt động.

Để khắc phục tình trạng trên, nhằm tăng cường củng cố, xây dựng công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Uỷ ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng chỉ thị :

1. Đề nghị Liên đoàn Lao động thành phố:

- Hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập tổ chức Công đoàn theo Nghị định số 96/2006/NĐ-CP ngày 14/9/2006 của Chính phủ thi hành Điều 153 Bộ Luật Lao động về Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời tại doanh nghiệp; chậm nhất sau 6 tháng kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, công đoàn địa phương hoặc công đoàn ngành có trách nhiệm thành lập tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp;

- Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của công đoàn cơ sở; bố trí cán bộ chuyên trách công đoàn tại các doanh nghiệp có đông lao động;

- Phối hợp với các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Lao động-Thương binh và Xã hội và Bảo hiểm xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Bảo hiểm xã hội cho người lao động và người sử dụng lao động;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố triển khai thi hành Quyết định số 133/2008/QĐ-TTg ngày 01/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Thông số 17/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 củ Bộ Tài chính về việc trích nộp kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Thông tư liên tịch số 119/2004/TTLT/BTC-TLĐLĐVN ngày 8/12/2004 của Bộ Tài chính và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn trích nộp kinh phí công đoàn đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất, Liên đoàn Lao động thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 196/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ và Nghị định số 93/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 196/CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể; tổ chức tập huấn cho Giám đốc và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở các doanh nghiệp xây dựng, thương lượng, ký kết và thực hiện thoả ước lao động tập thể;

- Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện mức lương tối thiểu theo Nghị định số 111/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ, xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động và đăng ký theo qui định của pháp luật;

- Chủ trì phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất, Bảo hiểm xã hội, Liên đoàn Lao động thành phố tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật lao động tại doanh nghiệp và xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của UBND thành phố để bổ sung quy định về điều kiện xét ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp có tổ chức, hoạt động của công đoàn và có chính sách bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động;

- Định kỳ tổ chức gặp mặt, đối thoại với các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc;

- Thường xuyên thông báo tình hình đăng ký hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động thành phố, Uỷ ban nhân dân các quận, huyện để phối hợp quản lý.

4. Uỷ ban Nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Liên đoàn Lao động quận, huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động của

các doanh nghiệp trên địa bàn để phát hiện và giải quyết kịp thời các vướng mắc, mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ lao động;

- Tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác công đoàn; thành lập Ban chỉ đạo giải quyết đình công, xây dựng quy chế phối hợp giải quyết đình công; nắm chắc tình hình và xử lý, giải quyết kịp thời các cuộc đình công, lãn công trên địa bàn theo đúng thẩm quyền quy định tại điều 168 và điều 170a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động;

- Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về việc để xảy ra tình trạng đình công, lãn công kéo dài trên địa bàn mà không có biện pháp xử lý.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Đề nghị Liên đoàn Lao động thành phố và yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, liên quan, Chủ tịch UBND các quận, huyện nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:01/2009/QĐ-UBND	*Sơn Trà, ngày 22 tháng 6 năm 2009.*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách quận sang Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn quận Sơn Trà.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12, ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Uỷ ban TVQH khóa 12 v/v điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của UBND quận, huyện, phường nơi không có tổ chức HĐND quận, huyện, phường;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách thành phố sang Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận Sơn Trà,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách quận Sơn Trà sang phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn quận Sơn Trà.

Điều 2. Trưởng phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận Sơn Trà có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức, kiểm tra thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND quận, Trưởng phòng Lao động - Thương Binh & Xã hội quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà, Chủ tịch UBND các phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Phiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN SƠN TRÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách quận Sơn Trà sang Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn quận Sơn Trà.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2009 của UBND quận Sơn Trà).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách quận sang phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà để cho vay đối với hộ nghèo nhằm giúp hộ nghèo có thêm vốn sản xuất, kinh doanh sớm thoát được nghèo.

Điều 2. Trên cơ sở cho vay từ nguồn ngân sách quận ủy thác, phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà cho vay đúng đối tượng là hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo của thành phố.

Điều 3. Cơ chế cho vay từ nguồn vốn ủy thác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội về cho vay hộ nghèo. Riêng đối tượng được vay vốn, xử lý rủi ro tín dụng, phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác và thu hồi vốn ủy thác thực hiện theo các quy định tại Chương II của Quy chế này.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ chế cho vay

1. Đối tượng được vay vốn: Là hộ nghèo theo chuẩn mức quy định của thành phố có nhu cầu vay vốn;

2. Điều kiện được vay vốn, mức vốn vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay và phương thức cho vay: Được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội về cho vay đối với hộ nghèo.

Điều 5. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ rủi ro: Chỉ xử lý nợ do nguyên nhân khách quan.

2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro, biện pháp xử lý nợ bị rủi ro, thời điểm xem xét xử lý rủi ro, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ.

3. Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro:

- Khách hàng là hộ nghèo có trách nhiệm lập đơn và hồ sơ xử lý nợ theo qui định và gửi đến phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà. Phòng Giao dịch kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ; phối hợp với hộ nghèo lập biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản, có sự tham gia xác nhận của UBND phường;

- Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà kiểm tra, xác nhận mức độ rủi ro của hộ nghèo; xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ của hộ nghèo; tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của hộ nghèo báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà, phòng Lao động - Thương binh & Xã hội và phòng Tài chính - Kế hoạch quận Sơn Trà;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban đại diện Hội đồng quản trị phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà, phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch quận thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý các khoản nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Căn cứ Quyết định xử lý nợ bị rủi ro của cấp có thẩm quyền, phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà tổ chức thực hiện.

4. Về thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng do Chủ tịch UBND quận quyết định;

b) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra thuộc diện đơn lẻ, cục bộ:

- Trưởng ban Ban đại diện Hội đồng quản trị phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà quyết định đối với việc giảm lãi vay, miễn lãi vay;

- Chủ tịch UBND quận quyết định đối với việc xoá nợ (gốc và lãi).

5. Về nguồn vốn xử lý rủi ro:

a) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng việc xử lý nguồn vốn ủy thác từ ngân sách quận Sơn Trà sang Phòng Giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà: do Chủ tịch UBND quận quyết định;

b) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra thuộc diện đơn lẻ, cục bộ: được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro của phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà cùng Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận và phòng Tài chính - Kế hoạch quận thống nhất báo cáo Chủ tịch UBND quận xem xét, quyết định.

Điều 6. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác.

1. Lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác được sử dụng để chi phí hoạt động nghiệp vụ, chi phí quản lý của phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận Sơn Trà và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến đối tượng vay từ nguồn vốn uỷ thác.

2. Nội dung phân phối sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác như sau:

a) Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí uỷ thác cho tổ chức Hội nhận uỷ thác cho vay: Theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương;

b) Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng: Theo mức quy định của Bộ Tài chính.

c) Phần còn lại, được quy thành 100% và phân phối lại như sau:

- Phân phối 80% cho phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà để chi thực hiện công tác cho vay, thu nợ và quản lý vốn uỷ thác. Nội dung chi:

+ Chi hoạt động quản lý và công vụ, gồm: Chi mua vật liệu và giấy tờ in, chi đào tạo huấn luyện nghiệp vụ, chi công tác phí, chi hỗ trợ thi đua khen thưởng;

+ Chi mua sắm tài sản phục vụ hoạt động nghiệp vụ.

- Phân phối 20% cho phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận để chi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc phối hợp thực hiện đôn đốc thu hồi nợ xâm tiêu, xử lý rủi ro và các nội dung công việc có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng vốn uỷ thác.

Hàng quý, căn cứ mức phân phối lãi nêu trên, phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà lập thủ tục chuyển cho phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận để thực hiện nhiệm vụ chi. Cuối năm, phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận quyết toán với phòng Tài chính - Kế hoạch quận (tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm của phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận).

Điều 7. Thu hồi vốn uỷ thác

Trong trường hợp quận thu hồi vốn đã uỷ thác, phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà có trách nhiệm thu hồi vốn cho vay chuyển trả lại cho ngân sách quận.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh & Xã hội thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách uỷ thác;

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo điều 6 Quy chế này;

- Hướng dẫn nội dung chi từ nguồn lãi phân phối qua phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận.

2. Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận

- Xây dựng kế hoạch giảm hộ nghèo toàn quận hàng năm;

- Chủ trì, phối hợp cùng phòng Tài chính - Kế hoạch quận thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn uỷ thác. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo UBND quận.

3. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà.

4. Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà

- Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng, không được để vốn tồn đọng ở Ngân hàng;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm có báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn uỷ thác gửi UBND quận, phòng Tài chính - Kế hoạch và phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận.

5. UBND phường

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng là hộ nghèo trên địa bàn phường;

- Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội thuộc phường thực hiện việc xét, xác định hộ gia đình là hộ nghèo, hộ nghèo thoát nghèo, hộ tái nghèo;

- Phối hợp với phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Sơn Trà, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ;

- Có ý kiến về đề nghị của người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ nghèo vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

Điều 9. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương cần phản ánh kịp thời về phòng Tài chính - Kế hoạch quận và phòng Lao động - Thương binh & Xã hội quận để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND quận sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Phiên

VĂN BẢN KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:3882/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 26 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt Đề án Xây dựng 7000 căn hộ phục vụ chương trình có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

Căn cứ Quyết định số 76/2004/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020.

Căn cứ Quyết định số 155/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giải quyết chỗ ở cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên của các Trường Đại học, Cao Đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê;

Căn cứ Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê;

Căn cứ Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 106/TTr-SXD ngày 13/5/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Xây dựng 7000 căn hộ phục vụ chương trình có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Sở Xây dựng là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải quyết các vướng mắc, khó khăn về UBND thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động -Thương binh và Xã hội, Công thương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Xây dựng 7000 căn hộ phục vụ chương trình có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng)

MỞ ĐẦU

Nhà ở là nhu cầu cần thiết cho mọi tầng lớp nhân dân. Thực hiện tốt vấn đề nhà ở là tiền đề quan trọng góp phần nâng cao mức sống của nhân dân, ổn định xã hội, tác động tích cực đến việc xây dựng và phát triển. Những năm qua, thành phố có nhiều chính sách hỗ trợ nhằm giải quyết khó khăn về nhà ở cho nhân dân, những chính sách hiện hành và kết quả thực hiện đã thực sự giải quyết một bước nhu cầu nhà ở cho các đối tượng thuộc diện giải toả, gia đình chính sách, các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang) và người có thu nhập thấp đang sinh sống tại khu vực đô thị.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế và chiến lược phát triển về lâu dài của thành phố, việc xây dựng Đề án nhằm giải quyết nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố là một bước có tính đột phá trong chính sách an dân và phát triển thành phố.

Cơ sở xây dựng đề án:

- Quyết định số 76/2004/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt định hướng phát triển nhà ở đến năm 2020;

- Quyết định số 155/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giải quyết chỗ ở cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng đến năm 2010;

- Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên của các Trường Đại học, Cao Đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê;

- Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê;

- Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Hưởng ứng chủ trương kích cầu đầu tư, kích cầu tiêu dùng của Chính phủ và chương trình nhà ở xã hội của Bộ Xây dựng;

- Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng "Thành phố 3 có" có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hoá - văn minh đô thị của thành phố Đà Nẵng.

Mục tiêu đề án:

Xây dựng 7.000 căn hộ chung cư để giải quyết nhu cầu cần thiết về nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố, tập trung cho các đối tượng khó khăn về chỗ ở (hộ chính sách, hộ nghèo chưa có chỗ ở ổn định, các hộ tái định cư…), các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang).

Phần I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Thực trạng về nhà ở tại thành phố Đà Nẵng:

Theo thống kê về nhu cầu nhà ở tại thành phố Đà Nẵng đã khảo sát tại Đề án có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố giai đoạn 2005-2010 đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 140/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2005 thì từ năm 2005 đến 2010 thành phố cần đầu tư xây dựng 1.154.000m2 sàn ở, trong đó thể loại nhà ở dạng chung cư là 418.500m2.

Qua hơn 03 năm triển khai tính đến nay thành phố đã và đang triển khai xây dựng được 3.484 căn hộ chung cư tương đương khoảng 174.200m2 sàn ở. Như vậy cần phải tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 244.300m2 sàn ở, tương đương khoảng 4.886 căn hộ, chưa kể đến các thể loại nhà ở khác (nhà liền kề, nhà trệt, nhà công vụ…) và một số biến động khác về nhà ở do tái định cư, tăng trưởng về dân số, di cư…

II. Sự cần thiết phải xây dựng đề án:

Trong những năm qua, bằng nhiều nỗ lực, quyết tâm của mình Chính quyền thành phố đã tập trung đẩy mạnh chương trình phát triển nhà ở xã hội cùng với nhiều cơ chế, chính sách tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, hộ gia đình, cá nhân tạo lập nhà ở, đầu tư xây dựng nhà ở thương mại. Điều kiện về nhà ở của các tầng lớp nhân dân thành phố đến nay đã dần được cải thiện. Tuy nhiên, do ngân sách có hạn, ảnh hưởng của tình hình suy thoái kinh tế chung nên quỹ nhà ở xã hội được đầu tư vẫn còn hạn chế, chưa có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư trong lĩnh vực này nên vẫn còn nhiều đối tượng có thu nhập thấp, khó khăn về chỗ ở có nhu cầu chưa được tiếp cận về nhà ở.

Việc đầu tư xây dựng 7000 căn hộ là nhằm để giải quyết vấn đề nhà ở cho các đối tượng nêu trên, phấn đấu hoàn thành mục tiêu chương trình "có nhà ở" của thành phố, đồng thời góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, hưởng ứng chủ trương kích cầu đầu

tư, phát triển kinh tế - xã hội và kích cầu tiêu dùng của Chính phủ, bảo đảm an sinh xã tại thành phố nói riêng và chương trình mục tiêu của Chính phủ nói chung.

Phần II
NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Mục đích, yêu cầu:

- Mục đích của đề án là phát triển quỹ nhà ở để cho thuê hoặc bán với nhiều hình thức, chính sách hỗ trợ cụ thể cho từng loại đối tượng khó khăn về chỗ ở để ổn định cuộc sống. Tăng chất lượng và điều kiện ở.

- Yêu cầu từ năm 2009 đến 2010 xây dựng thêm 7.000 căn hộ chung cư tương đương với khoảng 500.000m2 diện tích sàn xây dựng.

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, gồm: Đối tượng thuộc diện gia đình chính sách, các hộ tái định cư, các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang), các đối tượng là công nhân tại các khu công nghiệp và sinh viên học sinh các Trường Đại học, Cao Đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề và người có thu nhập thấp đang sinh sống tại khu vực đô thị, chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng diện tích ở bình quân dưới 5m2/người mà chưa được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức.

III. Các giải pháp triển khai xây dựng:

1. Về địa điểm xây dựng:

Trên cơ sở rà soát các địa điểm đã và đang triển khai xây dựng, các vị trí còn lại đã có sẵn mặt bằng, có khả năng đầu tư được ngay, những vị trí theo quy hoạch khả năng giải toả đền bù thuận lợi và những vị trí theo quy hoạch, chưa giải toả đền bù, UBND thành phố đã xét chọn 15 địa điểm với diện tích khoảng 30 ha với cơ sở hạ tầng bên ngoài đã được đầu tư đầy đủ.

2 . Về phương án xây dựng:

2.1 Mẫu chung cư:

- Giai đoạn đầu sử dụng mẫu Chung cư đang triển khai xây dựng trên địa bàn thành phố (có điều chỉnh một số chi tiết cho phù hợp);

- Tiếp tục tổ chức xét chọn các mẫu chung cư đang tham gia thi tuyển, chọn các mẫu chung cư có chất lượng để tiếp tục triển khai xây dựng vào các giai đoạn tiếp theo.

2.2 Qui mô:

Các mẫu chung cư có chiều cao tầng từ 05 đến 07 tầng, được đầu từ đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật. Tầng 1 bố trí để xe không gian công cộng và khu vực dịch vụ, các tầng còn lại bố trí các căn hộ ở, diện tích trung bình mỗi căn hộ là 50m2 và tối đa không quá 70m2.

IV. Về kinh phí đầu tư xây dựng và nguồn vốn:

1. Kinh phí xây dựng:

- Dự kiến suất đầu tư cho mỗi căn hộ diện tích 50m2 là 200.000.000đồng.

- Kinh phí đầu tư xây dựng (phần công trình) cho 7000 căn hộ là: 7.000căn x200.000.00đồng =1.400 tỷ đồng.

- Đối với phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (khoảng 20% giá trị công trình) tương đương khoảng 300 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư xây dựng: **1.700 tỷ đồng.**

2. Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn từ ngân sách (30% tổng vốn) : 510 tỷ đồng.

- Nguồn vốn hỗ trợ của Chính phủ từ chương trình xây dựng nhà ở xã hội (50% tổng vốn) : 850tỷ đồng.

- Nguồn vốn còn lại huy động từ các nguồn trong và ngoài nước, vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức cá nhân, vốn vay của các tổ chức tín dụng; vốn từ tiền ứng trước của bên có nhu cầu mua hoặc thuê mua nhà ở và các nguồn vốn hợp pháp khác theo qui định của pháp luật (20% tổng vốn): 340 tỷ đồng.

V. Về cơ chế chính trong đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng:

1. Về cơ chế chính sách trong đầu tư xây dựng:

1.1 Đối với nhà đầu tư:

Được hưởng các chính sách ưu đãi đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 18/NQ-CP và một số chính sách khác của UBND thành phố cụ thể như sau:

- Khuyến khích các thành phần tham gia đầu tư xây dựng nhà ở để bán (trả tiền một lần hoặc bán trả góp), cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng có thu nhập thấp tại khu vực đô thị theo phương thức xã hội hóa;

- Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong phạm vi dự án;

- Được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế giá trị gia tăng ở mức cao nhất (thuế suất 0%);

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy định này;

- Được hỗ trợ tín dụng đầu tư từ các nguồn:

+ Vay vốn tín dụng ưu đãi hoặc bù lãi suất theo quy định;

+ Vay từ Quỹ phát triển nhà ở của địa phương và các nguồn vốn vay ưu đãi khác (nếu có);

- Được xem xét, hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ lãi vay (tùy theo khả năng ngân sách của từng địa phương);

- Được cung cấp miễn phí các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình về nhà ở cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật về thi công, xây lắp nhằm đảm bảo giảm giá thành xây dựng công trình; được áp dụng hình thức tự thực hiện nếu có đủ năng lực theo quy định của pháp luật hoặc chỉ định thầu đối với các hợp đồng tư vấn, thi công xây lắp;

- Được nhà nước hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước);

- Nhà đầu tư tự bỏ vốn ra (vay hoặc huy động) để đầu tư xây dựng các khu chung cư (kể cả hạ tầng ngoài nhà) và bán với giá (tính bình quân giữa căn hộ có 02 phòng ngủ và căn hộ 03 phòng ngủ) 200triệu đồng/1căn hộ (diện tích tối thiểu 1 căn hộ là 50m2). Nhà đầu tư được khai thác sử dụng phần lớn diện tích tầng 1 của chung cư để làm dịch vụ (diện tích còn lại làm nơi giữ xe, nhà sinh hoạt cộng đồng miễn phí), khoản thu này để thực hiện các dịch vụ quản lý tại chung cư (trừ các khoản người sử dụng căn hộ phải trả tiền là tiền: điện, nước và rác).

1.2. Đối với các đối tượng được áp dụng:

Người mua, thuê mua nhà ở thu nhập thấp được vay vốn từ các ngân hàng thương mại có hỗ trợ của Nhà nước về lãi suất, để thanh toán tiền mua nhà ở (trả ngay 1 lần hoặc trả góp) hoặc tiền thuê mua nhà ở.

Đối tượng mua nhà trả trước ít nhất 25% giá bán căn hộ để nhận quyền sử dụng, số tiền còn lại được trả góp hàng tháng trong thời hạn 13 năm với lãi suất theo quy định của ngân hàng cho vay đầu tư nhà ở xã hội (2,9%/năm); khi trả xong tiền mua, được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

2. Về quản lý sử dụng:

- Chủ đầu tư dự án phải bán, cho thuê, cho thuê mua theo đúng đối tượng do Nhà nước quy định.

- Người mua hoặc thuê mua nhà ở thu nhập thấp được phép bán hoặc cho thuê sau khi trả hết tiền cho chủ đầu tư (sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở), nhưng phải đảm bảo thời gian tối thiểu là 13 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng thuê mua với chủ đầu tư dự án;

- Trong thời gian chưa đủ 13 năm, kể từ khi ký hợp đồng, nếu bên mua hoặc thuê mua có nhu cầu cần chuyển nhượng nhà ở thu nhập thấp, thì chỉ được chuyển nhượng cho Nhà nước hoặc cho chủ đầu tư dự án nhà ở đó hoặc cho đối tượng được mua, thuê mua nhà ở thu nhập thấp theo quy định của địa phương; giá chuyển nhượng nhà ở không cao hơn mức giá nhà ở thu nhập thấp cùng loại tại thời điểm chuyển nhượng.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Uỷ ban nhân dân thành phố phân công như sau:

1. Sở Xây dựng: Là cơ quan thường trực của Đề án, có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND thành phố xét chọn địa điểm, mẫu chung cư và lập thủ tục phê duyệt qui hoạch tổng mặt bằng các địa điểm xây dựng chung cư phục vụ cho Đề án;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện;

- Giúp UBND thành phố tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải quyết các vướng mắc, khó khăn về UBND thành phố.

2. Văn phòng UBND thành phố: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đơn vị làm việc với các cơ quan liên quan xúc tiến nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội từ Trung ương.

3. Sở Kế hoạch Đầu tư:

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan để đề xuất kế hoạch bố trí vốn ngân sách cho chương trình nhà ở theo từng giai đoạn. Đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

4. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố và các tổ chức tín dụng, ngân hàng để đề xuất qui định hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho các đối tượng theo chế độ quy định, có kế hoạch bổ sung vốn ngân sách vào dự toán chi ngân sách hàng năm để đầu tư phát triển quỹ nhà ở.

5. Sở Lao động Thương binh Xã hội:

Chủ trì phối hợp với UBND các quận, huyện tổ chức điều tra xác định, thống kê, phân loại đối tượng có nhu cầu về nhà ở theo chế độ quy định, lập danh sách trình UBND thành phố.

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các nghành liên quan đề xuất các phương án về hỗ trợ, miễn giảm tiền cho thuê, mua nhà của từng đối tượng trình UBND thành phố.

6. Sở Tài nguyên Môi trường:

Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan đề xuất các chính sách, cơ chế về sử dụng đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển quỹ nhà ở của thành phố, trình UBND thành phố phê duyệt.

7. Sở Công thương:

Tập hợp báo cáo UBND thành phố về tình hình đầu tư, nắm bắt nhu cầu về hoạt động sản xuất các ngành Công nghiệp, tham gia đề xuất các cơ chế, chính sách về đất đai nhằm tạo điều kiện khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại các khu công nghiệp chế xuất thực hiện việc đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân.

8. Uỷ ban nhân dân các quận, huyện:

Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, thống kê, phân loại đối tượng, xác định số hộ có nhu cầu về chỗ ở, tổ chức xét chọn các đối tượng cần quan tâm hỗ trợ

giải quyết nhà ở trên địa bàn quản lý, báo cáo theo định kỳ về UBND thành phố. Quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn được phân công./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4305/QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 10 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt Đề án Xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuê.

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

Căn cứ Quyết định số 155/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giải quyết chỗ ở cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên của các Trường Đại học, Cao Đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 139TTr-SXD ngày 05 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuê.

Điều 2. Sở Xây dựng là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất giải quyết các vướng mắc, khó khăn về UBND thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Công thương, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuê
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2009 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Cơ sở xây dựng đề án:

- Quyết định số 155/2005/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giải quyết chỗ ở cho sinh viên các trường Đại học và Cao đẳng đến năm 2010;

- Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

- Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên của các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê;

Mục tiêu đề án:

Phấn đấu đến năm 2015 về cơ bản giải quyết chỗ ở cho học sinh, sinh viên có nhu cầu ở nội trú tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, với tiêu chuẩn diện tích ở và sinh hoạt tối thiểu 4 m2/1 sinh viên.

Phần I
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Thực trạng về nhà ở cho học sinh, sinh viên tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng:

Trên địa bàn thành phố hiện nay có Đại học Đà Nẵng và 70 trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và các Trường dạy nghề với tổng số khoảng 141.000 học sinh, sinh viên đang theo học. Trong đó riêng Đại học Đà Nẵng có 07 Trường Đại học và Cao đẳng với 78.000 sinh viên.

Ngoài ra còn có rất nhiều Trường, cơ sở đào tạo khác đang trong giai đoạn thành lập như Đại học Quốc tế Đà Nẵng, Trung tâm đào tạo sau Đại học Việt Úc, Trường Cao đẳng du lịch...

Dự kiến đến năm 2015 số lượng học sinh, sinh viên tại các trường sẽ tăng lên vào khoảng 150.000 học sinh, sinh viên.

Hiện nay tại các trường cũng chỉ mới giải quyết được khoảng 10% nhu cầu về chỗ ở, số còn lại tự thuê nhà ở tại các khu ở do dân tự xây trong điều kiện ở, sinh hoạt không được đảm bảo.

Trong đó có khoảng 80.000 học sinh, sinh viên (chiếm khoảng 60% tổng số sinh viên) có nhu cầu về chỗ ở.

II. Sự cần thiết phải xây dựng đề án:

Trong những năm qua, bằng nhiều cơ chế chính sách, Chính phủ, các Bộ ngành và đặc biệt chính quyền thành phố đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển quỹ nhà ở dành cho đối tượng là học sinh, sinh viên như ban hành *Đề án có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố giai đoạn 2005-2010* tại Quyết định số 140/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2005 và mới đây nhất UBND thành phố đã ký Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2009 *V/v ban hành đề án xây dựng 7000 căn hộ phục vụ chương trình có nhà ở cho nhân dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.* Thành phố đã phê duyệt quy hoạch bố trí quỹ đất cho các trường để đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí nên phần lớn các trường chủ yếu tập trung đầu tư trước các hạng mục phục vụ trực tiếp cho việc dạy và học, chưa đầu tư vào nhà ở cho đối tượng này. Với nhiều cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ của Chính phủ hiện nay và trên cơ sở các quỹ đất đã có, đây là điều kiện thuận lợi để Thành phố cùng với các cơ sở đào tạo và cơ quan liên quan triển khai đầu tư xây dựng nhà ở phục vụ cho học sinh, sinh viên.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Mục đích, yêu cầu:

- Mục đích của Đề án là xây dựng quỹ nhà ở dạng ký túc xá để cho học sinh, sinh viên thuê ở. Tăng chất lượng và điều kiện ở;

- Yêu cầu từ năm 2009 đến 2015 giải quyết chỗ ở cho khoảng 80.000 học sinh, sinh viên tương đương với diện tích sàn xây dựng khoảng 320.000m2 (tiêu chuẩn 4m2/sinh viên).

II. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Đối tượng được bố trí thuê ở là học sinh, sinh viên tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn thành phố, tập trung ưu tiên cho các đối tượng là học sinh, sinh viên ngoại quốc, ngoại tỉnh, sinh viên nghèo, sinh

viên học giỏi, sinh viên năm đầu tiên theo đúng đối tượng được quy định tại Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Các giải pháp triển khai xây dựng:

1. Về quy hoạch và địa điểm xây dựng:

Trên cơ sở rà soát các địa điểm đã và đang triển khai xây dựng, các vị trí đã có sẵn mặt bằng, có khả năng đầu tư được ngay, những vị trí theo quy hoạch khả năng giải toả đền bù thuận lợi được các cơ sở đào tạo tổng hợp đề xuất, UBND thành phố thống nhất triển khai xây dựng ký túc xá tập trung tại 02 khu vực phía Đông và phía Tây thành phố với tổng diện tích đất khoảng 28 ha. Trong đó Khu phía Đông sau khi hoàn thành sẽ phục vụ chỗ ở cho các Trường trên địa bàn các quận Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Cẩm Lệ và một phần quận Hải Châu, Khu phía Tây sẽ phục vụ chỗ ở cho các Trường trên địa bàn các quận: Liên Chiểu, Thanh Khê, huyện Hoà Vang và một phần quận Hải Châu.

Ngoài ra trên cơ sở diện tích đất theo quy hoạch được duyệt trong khuôn viên của mình các Trường tự triển khai xây dựng ký túc xá phục vụ chỗ ở cho học sinh, sinh viên.

2 . Về phương án xây dựng:

a) Mẫu thiết kế:

Sử dụng mẫu thiết kế ký túc xá hiện đang triển khai xây dựng tại Làng Đại học Đà Nẵng và mẫu thiết kế mới do Đại học Đà Nẵng cung cấp.

b) Qui mô:

Ký túc xá phục vụ cho học sinh, sinh viên có chiều cao tầng từ 05- 07 tầng, được đầu từ đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật. Tiêu chuẩn diện tích tối thiểu 4m2/ sinh viên, mỗi phòng bố trí từ 4-8 người.

V. Về kinh phí đầu tư xây dựng và nguồn vốn:

1. Kinh phí xây dựng:

- Tham khảo suất đầu tư xây dựng công trình được Bộ Xây dựng ban hành tại Công văn số 292/BXD-KTXD ngày 03/3/2009.

- Kinh phí đầu tư xây dựng (phần công trình) cho 320.000m2 sàn xây dựng ký túc xá là: 320.000m2 x 3.000.000đồng =960.000.000.000đồng.

- Đối với phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà (khoảng 15% giá trị công trình) tương đương khoảng 140.000.000.000đồng.

Tổng vốn đầu tư xây dựng: **1.100 tỷ đồng.**

2. Về nguồn vốn :

- Nguồn vốn hỗ trợ từ trái phiếu của Chính phủ (50%) : 550tỷ đồng.

- Nguồn từ ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư phần hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng

rào tạo quỹ đất sạch cho các dự án, nguồn bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho giáo dục, đào tạo của Bộ, ngành và nguồn vốn tự có của các trường tư thục khác (50%): 550 tỷ đồng.

VI. Hình thức đầu tư, quản lý sử dụng và các cơ chế chính sách trong đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên:

1. Về hình thức đầu tư và quản lý sử dụng:

1.1 Đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

UBND thành phố thống nhất tổ chức quản lý và quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố, UBND thành phố giao Sở Xây dựng hoặc các cơ sở đào tạo làm chủ đầu tư dự án. Kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng sẽ tổ chức việc quản lý, sử dụng theo đúng quy định, đúng đối tượng.

1.2 Đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn do các Trường, các cơ sở đào tạo và các thành phần kinh tế khác thực hiện: Thành phố sẽ có cơ chế chính sách hỗ trợ về đất đai, quy hoạch tạo điều kiện để các Trường, các cơ sở đào tạo và các thành phần kinh tế khác tự triển khai xây dựng và quản lý sử dụng.

2. Về các cơ chế chính sách:

Các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên được hưởng các chính sách ưu đãi của Chính phủ theo quy định tại: Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2009; Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 và Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009.

VII. Đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở:

Đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở được áp dụng theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ V/v ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên của các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê.

VIII. Kế hoạch triển khai xây dựng:

Từ 2009-2015 xây dựng 320.000 m2 sàn nhà ở dạng ký túc xá. Trong đó chia làm 02 giai đoạn:

- ***Giai đoạn 1:*** Trên cơ sở mặt bằng đã có sẵn, các mẫu thiết kế đã chuẩn bị xong có thể triển khai xây dựng ngay được trong tháng 6 năm 2009 khoảng **200.000m2** sàn, với kinh phí đầu tư khoảng **700 tỷ đồng**.

- ***Giai đoạn 2:*** Rà soát, đánh giá lại từng dự án để có kế hoạch điều chỉnh bổ sung cho phù hợp, đồng thời bổ sung thêm mẫu mới để triển khai tiếp phần khối lượng lại là **120.000m2** sàn, kinh phí đầu tư **400 tỷ đồng**.

IX. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng: Là cơ quan thường trực của Đề án, làm Chủ đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và có trách nhiệm:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện;

- Giúp Uỷ ban nhân dân thành phố trong công tác tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai Đề án và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ về Uỷ ban nhân dân thành phố.

2. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội :

Chủ trì phối hợp với đơn vị có liên quan tiến hành rà soát, phân loại các đối tượng là học sinh, sinh viên tại các Trường Trung cấp chuyên nghiệp, Trường dạy nghề có nhu về nhà ở, chủ động đề xuất thêm các địa điểm mới và tìm kiếm thêm các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên tại các Trường, cơ sở đào tạo do đơn vị quản lý.

3. Đại học Đà Nẵng và các Trường, cơ sở đào tạo khác:

Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác xây dựng kế hoạch, chuẩn bị triển khai xây dựng các ký túc xá tại các vị trí đã có mặt bằng nêu tại Đề án.

Chủ trì phối hợp với đơn vị có liên quan tiến hành rà soát, phân loại các đối tượng là học sinh, sinh viên tại các Trường Đại học, Cao đẳng có nhu về nhà ở, chủ động đề xuất thêm các địa điểm mới và tìm kiếm thêm các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh sinh viên tại các Trường, cơ sở đào tạo do đơn vị quản lý.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:05/CT-UBND	*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 5 năm 2009*

CHỈ THỊ
Về việc tiếp tục thực hiện Đề án thứ 3-212/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia phổ biến pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến 2010 ban hành theo Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Kế hoạch thứ ba về "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2005-2010" (kèm theo Quyết định số 6749/QĐ-UBND ngày 28/9/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng). Ngày 14/4/2009, Thanh tra Chính phủ có Công văn số 756/TTCP-PC chỉ đạo về việc tiếp tục thực hiện Đề án thứ 3-212/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Để tiếp tục thực hiện Đề án thứ 3-212/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công văn chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và Kế hoạch thứ ba về "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2005-2010" của UBND thành phố Đà Nẵng, tiếp tục tạo sự chuyển biến trong nhận thức và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo của cán bộ, nhân dân ở xã, phường, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng yêu cầu các đơn vị tiếp tục thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Thanh tra thành phố:

- Tiếp tục phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan và các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng theo chỉ đạo chung của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của UBND thành phố;

- Chỉ đạo, hướng dẫn Thanh tra các quận, huyện có kế hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo trên địa bàn;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức các buổi hội thảo trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhằm ngày càng nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở cơ sở;

- Cử báo cáo viên để trực tiếp hướng dẫn, tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường;

- Theo dõi, đôn đốc tổng hợp kết quả việc thực hiện các nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường trên địa bàn thành phố, định kỳ báo cáo Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố và Thanh tra Chính phủ theo quy định.

2. Sở Tư pháp thành phố:

- Chủ trì, phối hợp với Thanh tra thành phố mở các lớp tập huấn nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức giới thiệu, biên soạn, cung cấp tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho đội ngũ báo cáo viên;

- Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Tư pháp các quận, huyện phối hợp với Thanh tra quận, huyện tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường;

- Cử cán bộ và chỉ đạo Phòng Tư pháp các quận, huyện cử cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Tham mưu cho Uỷ ban nhân dân thành phố chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố để tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân ở xã, phường.

3. Sở Thông tin và Truyền thông thành phố:

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và các cơ quan liên quan để tổ chức việc tuyên truyền pháp luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tới các xã, phường, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn;

- Chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống thiết chế thông tin văn hoá ở cơ sở tham gia vào việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Uỷ ban nhân dân các quận, huyện:

- Chỉ đạo các phòng, ban trực thuộc có kế hoạch và phối hợp với các cơ quan có liên quan để tiếp tục thực hiện tốt các nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường;

- Chỉ đạo cho UBND các xã, phường phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt Nghị quyết Liên tịch ngày 13/5/2008 của Thanh tra Chính phủ-Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam-Trung ương Hội Nông dân Việt Nam "Ban hành Quy chế phối hợp giữa Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân cùng cấp trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nai, tố cáo";

- Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân xã, phường đảm bảo các điều kiện cần thiết để tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho nhân dân ở cơ sở;

- Chọn một số xã, phường có tình hình khiếu nại, tố cáo phức tạp, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả thấp, một số địa phương vùng sâu, vùng xa nhận thức pháp luật của người dân còn hạn chế…để làm điểm tổ chức tuyên truyền;

- Chủ động bố trí kinh phí hợp lý (theo quy định tại Công văn số 3046/UBND-KTTH ngày 19 tháng 6 năm 2007 của UBND thành phố "V/v bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật") để việc tổ chức tuyên truyền pháp luật về khiếu nai, tố cáo ngày càng đạt hiệu quả cao và đúng theo kế hoạch chỉ đạo chung của Thủ tướng Chính phủ và UBND thành phố. Đảm bảo từ nay đến quý III năm 2010 có trên 90% xã, phường trên địa bàn quận, huyện được tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân xã, phường;

- Định kỳ báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở các địa phương cho Uỷ ban nhân dân thành phố (thông qua Thanh tra thành phố).

5. Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng và Báo Đà Nẵng tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu rõ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Nội dung tuyên truyền: ngoài việc tiếp tục tuyên truyền các nội dung của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004 và năm 2005; Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo; các văn bản quy định của UBND thành phố Đà Nẵng về công tác tiếp công dân, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, công dân, các đơn vị chú ý lồng ghép tuyên truyền các nội dung cơ bản của Thông báo số 130-TB/TW ngày 10/01/2008 của Bộ Chính trị (khoá X) "về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian đến", Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 30/6/2008 của Ban Thường vụ Thành uỷ Đà Nẵng "thực hiện kết luận của Bộ Chính trị (khoá X) về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới" và Kế hoạch số 3982/KH-UBND ngày 04/7/2008 của UBND thành phố "triển khai Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành uỷ thực hiện kết luận của Bộ Chính trị (khoá X) về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới".

6. Thanh tra thành phố, Sở Tư pháp thành phố, Uỷ ban nhân dân các quận, huyện phối hợp và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Nông dân các cấp tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công trong Kế hoạch thứ ba về "Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2005-2010" (kèm theo Quyết định số 6749/QĐ-UBND ngày 28/9/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng) và

Nghị quyết Liên tịch ngày 13/5/2008 của Thanh tra Chính phủ-Ban Thường trực Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam-Trung ương Hội Nông dân Việt Nam "Ban hành Quy chế phối hợp giữa Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân cùng cấp trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nai, tố cáo"; tiếp tục vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, góp phần giải quyết tốt các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo phát sinh từ cơ sở, hạn chế phát sinh đơn vượt cấp, nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan có thẩm quyền.

Nhận được Chỉ thị này, yêu cầu các đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung trên đây và báo cáo kết quả về UBND thành phố (qua Thanh tra thành phố) để tổng hợp báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/CT-UBND	*Đà Nẵng, ngày 18 tháng 5 năm 2009*

CHỈ THỊ
Tiếp tục tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2008 của UBND thành phố ban hành Kế hoạch *"Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng"* sau một năm thực hiện đã có những chuyển biến tích cực; tuy vậy vẫn còn một số mặt hạn chế trong việc triển khai thực hiện như kết quá chưa rõ ràng, phong trào chưa thường xuyên… Để làm chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa ý thức trách nhiệm và thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành công vụ; Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2008 của UBND thành phố tại cơ quan, đơn vị mình thông qua các việc sau:

a) Nâng cao vai trò người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố về công tác cải cách thủ tục hành chính; giữ gìn kỷ cương, kỷ luật hành chính trong quản lý điều hành, trong quản lý hoạt động, quản lý công việc; lưu ý phải có chương trình, kế hoạch, có chỉ tiêu cụ thể; có biện pháp theo dõi, giám sát, đôn đốc các bộ phận chuyên môn thực hiện đúng các quy định của UBND thành phố tại Quyết định số 1866/QĐ-UBND và Kế hoạch đơn vị đã đề ra;

b) Định kỳ hàng năm phải tiến hành tổ chức trưng cầu ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công tại cơ quan, đơn vị mình theo Quyết định số 31/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2007 của UBND thành phố. Năm 2009 tập trung chuyển biến rõ nét tác phong, lề lối và thái độ công tác của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện "nụ cười công sở" trong quan hệ xử lý công việc của tổ chức, công dân;

c) Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức, lối sống; nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc và trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đối với tổ chức, công dân; xây dựng cơ chế quản lý, kiểm tra, gắn với đánh giá hàng năm việc thực hiện nội quy, quy chế hoạt động cơ quan;

d) Phát động phong trào thi đua trong toàn cơ quan, đơn vị; phát hiện và nhân rộng điển hình "người tốt, việc tốt", phát hiện, phê phán và kiên quyết xử lý những hành vi

tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

đ) Thực hiện nghiêm việc xây dựng cơ quan văn hóa; cải tiến mạnh mẽ chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng cuộc họp.

2. Thực hiện nghiêm chế độ tổng hợp, báo cáo theo quy định về việc thực hiện Quyết định số 1866/QĐ-UBND.

3. Giao Sở Nội vụ tham mưu, trình UBND thành phố sửa đổi Quyết định 7079/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2008, trong đó nghiên cứu lồng ghép việc đánh giá, chấm điểm, xếp loại kết quả thực hiện Quyết định số 1866/QĐ-UBND cùng với việc đánh giá, chấm điểm, xếp hạn kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo của các đơn vị về việc thực hiện Chỉ thị này và trình UBND thành phố theo quy định.

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện Chỉ thị này./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:07/CT-UBND	*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 5 năm 2009*

CHỈ THỊ
Về công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2009

Thực hiện Chỉ thị số 580/CT-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn năm 2009; đồng thời để chủ động ứng phó kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, các công trình kết cấu hạ tầng, các hoạt động kinh tế xã hội, … do thiên tai, bão, lũ, triều cường gây ra; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện:

a) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão năm 2008, phát huy những việc đã làm tốt, đồng thời làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, yếu kém để có biện pháp, giải pháp khắc phục trước mùa mưa bão;

b) Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão các cấp, các ngành theo hướng tăng cường trách nhiệm và năng lực; chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn sát với tình hình thực tế diễn biến của từng loại hình thiên tai, thảm họa tại địa phương, đơn vị mình, đảm bảo thống nhất, đồng bộ từ các Sở, Ban, ngành, quận, huyện đến các phường, xã, các đơn vị cơ sở và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ các đoàn thể trên địa bàn nhằm đối phó kịp thời, khắc phục nhanh có hiệu quả với các tình huống thiên tai;

c) Tiếp tục quán triệt và thực hiện phương châm "4 tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ); chủ động phòng, chống và đối phó với thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và Nhà nước;

d) Tổ chức kiểm tra phương án phòng, chống thiên tai, lụt, bão năm 2009 của các xã, phường và đơn vị trực thuộc, các cơ sở kinh tế thuộc mọi thành phần; tiến hành điều tra, thống kê xác định cụ thể về số lượng, chủng loại phương tiện, vật tư có thể huy động phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão;

đ) Chuẩn bị tốt hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo, dự báo hoạt động thông suốt trong mọi tình huống, thực hiện chế độ trực ban nghiêm ngặt trong mùa lụt,

bão, xây dựng phương án, kế hoạch cụ thể, chi tiết về lực lượng và phương tiện để ứng cứu kịp thời cho nhân dân ở vùng nguy hiểm do triều cường, sóng lớn và vùng ven sông thường xuyên bị xói lở, bị ngập sâu, vùng bị lũ quét và vùng hạ lưu hồ chứa nước. Vận động các hộ dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống, các nhu yếu phẩm thiết yếu và thuốc men để sử dụng trong thời gian ít nhất là 7 ngày;

e) Thực hiện tốt các phương án của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn thành phố: Phương án xử lý tình huống khẩn cấp về thiên tai lụt, bão trên địa bàn thành phố, Phương án xử lý tình huống khẩn cấp về thiên tai lụt, bão hồ chứa nước Hoà Trung và Đồng Nghệ huyện Hoà Vang.

UBND các quận, huyện có hồ chứa nước vừa và nhỏ thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão đủ năng lực để điều hành công tác phòng, chống lụt, bão cho các hồ chứa nước; xây dựng phương án phòng, chống lũ, phương án sơ tán nhân dân vùng hạ du; kiểm tra các phương tiện, vật tư đảm bảo đủ số lượng theo quy định; tổ chức nghiêm túc việc trực phòng, chống lụt, bão 24 giờ trong ngày trong mùa mưa bão;

g) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND thành phố về việc huy động các nguồn lực của địa phương, đơn vị theo quy định để làm tốt công tác phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa xảy ra trên địa bàn. Chủ động sử dụng ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí khác theo quy định để phòng, chống và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra, sớm ổn định sản xuất và đời sống nhân dân; đồng thời phải quan tâm, hỗ trợ không để người dân vùng thiên tai bị đói.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố xây dựng các phương án, kế hoạch tìm kiếm cứu nạn sát thực tế để chủ động triển khai thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn; theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của tàu thuyền đánh cá; kiên quyết không cho tàu thuyền thiếu trang bị phương tiện an toàn ra khơi.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Công an thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, phương án bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng cứu nhân dân khi xảy ra thiên tai, lụt, bão; đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các sở, ngành liên quan hướng dẫn neo đậu tàu thuyền theo quy định của UBND thành phố; kiểm tra, xử lý các công trình hồ chứa nước trên địa bàn thành phố theo Chỉ thị số 242/CT-BNN-TL ngày 09 tháng 02 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ năm 2009.

5. Sở Giao thông Vận tải kiện toàn phương án chuẩn bị lực lượng, phương tiện tham gia công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, giải phóng mặt đường

trên địa bàn thành phố khi có bão, lũ xảy ra; hướng dẫn các phương tiện lưu thông trong vùng bão, lũ.

6. Sở Xây dựng: chỉ đạo và kiểm tra các phương án phòng, chống lụt, bão ở các công trình đang thi công dở dang, khu giải toả, khu tái định cư, các khu nhà tạm; thực hiện tốt công tác rong tỉa cây xanh đường phố trước mùa mưa, bão.

7. Sở Y tế: Kiện toàn phương án cấp cứu, cứu nạn kịp thời (kể cả phương án lưu động) cho nhân dân vùng bị thiên tai, kể cả việc tiếp nhận nạn nhân từ các tỉnh bạn. Phối hợp với các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường xử lý môi trường, nước uống và phòng chống các loại dịch bệnh phát sinh khi có thiên tai, lụt, bão xảy ra.

8. Sở Công Thương:

a) Làm việc với các đơn vị cung cấp lương thực, thực phẩm (kể cả cơ quan dự trữ quốc gia đóng trên địa bàn thành phố), UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan có kế hoạch dự phòng lương thực và các mặt hàng thiết yếu trước mùa mưa lũ, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đi lại khó khăn thường bị chia cắt trong lụt, bão;

b) Làm việc với Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng lập phương án cắt điện hợp lý cho từng vùng, từng khu vực khi có thiên tai, lụt, bão xảy ra; tổ chức kiểm tra an toàn đối với toàn bộ hệ thống điện trên địa bàn thành phố.

9. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đài phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng và các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác phát tin, thông báo chính xác kịp thời các thông tin, thông báo, dự báo về thiên tai, thời tiết, lũ, bão, các chủ trương, Chỉ thị, mệnh lệnh trong công tác phòng, chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn; đồng thời phối hợp với các cơ quan chuyên ngành hướng dẫn nhân dân những kiến thức cơ bản về phòng tránh thiên tai.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương kiên quyết ngăn chặn hoạt động khai thác cát trái phép trên các sông; kiểm tra cảnh báo các vùng có khả năng xảy ra trượt lở đất trong mùa mưa do khai thác đất đá làm vật liệu xây dựng.

11. Sở Thông tin và Truyền thông làm việc với với Bưu điện Đà Nẵng có phương án tối ưu để đảm bảo thông tin liên lạc trong mọi tình huống; có kế hoạch dự phòng trang thiết bị viễn thông phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn.

12. Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn thành phố:

a) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, lụt, bão của các ngành, địa phương; chỉ đạo, điều hành, xử lý kịp thời, có hiệu quả trong việc đối phó với thiên tai, lụt, bão;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, UBND các quận, huyện theo dõi diễn biến bão, lũ, thiên tai để tổng hợp, đề xuất UBND thành phố quyết định các biện pháp cứu trợ kịp thời nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân vùng thiên tai; đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện cứu trợ ở các địa phương, đảm bảo đúng qui định, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

Nhận được Chỉ thị này, yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện; phường, xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Minh

Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng xuất bản
Địa chỉ: 24 Trần Phú - Đà Nẵng
Điện thoại: 0511. 3893777
Fax: 0511.3 821286
Email: congbao@danang.vnn.vn
Website: https://congbao.danang.gov.vn
In tại: Công ty Cổ phần In Bưu điện